

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Đăng Tuyết Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Tuấn

2. Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh A (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lương Thế T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C, trình bày:

Vào năm 1999 bà C và ông T có tổ chức lễ cưới, đến ngày 14/4/2003 ông bà thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng tạm gọi là hạnh phúc bên đất nhà cha mẹ chồng tại xã T, huyện T, tỉnh Long An. Nhưng gần đây vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc do ông T tự ý làm ăn, không bàn bạc với vợ con, gây thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường gây cãi xáo xáo mất hạnh phúc gia đình. Từ đầu tháng 02/2019 sau khi vợ chồng cự cãi bà C đã đưa các con ra ngoài mưu sinh cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và Ông Lương Thế T không thể hàn gắn và mong muốn trả lại sự tự do cho nhau, nên bà C xin được ly hôn Ông Lương Thế T. Sau khi ly hôn bà C yêu cầu được quyền nuôi con chung tên

Lương Ngọc T-sinh ngày 10/11/2010, bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Lương Ngọc Trân-sinh ngày 11/12/1999 (đã trưởng thành) tự quyết định lấy cuộc sống bà C không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Lương Thế T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có bằng tường trình, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia hòa giải-không có văn bản trình bày ý kiến-không tham gia phiên tòa. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C, giao con chung tên Lương Ngọc T-sinh ngày 10/11/2010 cho bà C nuôi dưỡng do cháu đang ở với mẹ và có nguyện vọng ở với mẹ, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà C không yêu cầu. Đối với con chung tên Lương Ngọc Trân-sinh ngày 11/12/1999 (đã trưởng thành) tự quyết định lấy cuộc sống bà C không yêu cầu nên chấp nhận. Tài sản chung và nợ chung bà C không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh C khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Lương Thế T. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

[2] Ông Lương Thế T đã được Tòa án thông báo đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Thanh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông T chung sống với nhau từ năm 1999 có tổ chức lễ cưới, đến ngày 14/4/2003 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số 01. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà C thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ vấn đề về tiền bạc do ông T tự ý làm ăn, không bàn bạc với vợ con, gây thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường gây cãi xáo xáo mất hạnh phúc gia đình. Từ đầu tháng 02/2019 sau khi vợ chồng cự cãi bà C đã đưa các con ra ngoài ở riêng, tự mưu sinh cho đến nay. Xét thấy

thời gian vợ chồng sống ly thân, cũng như quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật đối với ông T, nhưng ông T đã tự khước từ quyền tham gia tố tụng, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng để trở về chung sống với nhau. Thấy rằng, mối quan hệ hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho ly hôn.

Bà C và ông T có 02 con chung, khi ly hôn bà C yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Lương Ngọc T-sinh ngày 10/11/2010, nguyện vọng của cháu Trâm tại bản tự khai ghi ngày 15/7/2019 rằng mong muốn được sống cùng mẹ là bà C để đi học cho thuận tiện. Xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà C phù hợp với nguyện vọng của cháu Trâm nên chấp nhận, bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Đối với con chung tên Lương Ngọc Trâm-sinh ngày 11/12/1999 (đã trưởng thành) tự quyết định lấy cuộc sống bà C không yêu cầu cũng như tài sản chung và nợ chung bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh C đối với Ông Lương Thế T.

Về hôn nhân: Bà C được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lương Ngọc T-sinh ngày 10/11/2010. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà C và ông T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001970 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Long Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Đăng Tuyết Hồng